



*Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, tỉnh Quảng Nam nhận và thụ lý đơn của bà Võ Thị Bích N (SN:1986; HKTT: Tổ 04, thôn T, xã C, thành phố H) tố cáo ông Lê Minh V (SN: 1983; HKTT: Tổ 01, thôn T, xã C, TP.H) là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã C lừa đảo chiếm đoạt của bà 400.000.000 đồng trong quá trình nhờ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm lên đất ở. Quá trình điều tra, xác định: Vào tháng 7/2020, bà Võ Thị Bích H có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại thửa đất số 543, diện tích: 157,1m<sup>2</sup>, thuộc thôn T, xã C, thành phố H do ông Võ Văn T (là ba ruột của bà N, sinh năm 1957; HKTT: Tổ 04, thôn T, xã C, thành phố H) đứng tên người sử dụng đất. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Lê Minh V, lúc này là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã C nên bà N gặp bị cáo V để hỏi về việc làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Mặc dù, Lê Minh V chưa từng làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ai, không biết đến quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không biết thửa đất mà bà N nhờ có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất được hay không nhưng V vẫn cam kết với bà N là sẽ thực hiện được nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà N. V đưa ra chi phí thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên với số tiền là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và đề nghị bà N giao trước số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Khi nào hoàn thành xong các thủ tục, có sổ đỏ bà N sẽ giao số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) còn lại cho bị cáo V. Ngày 27/7/2020, tại quán cà phê P, thành phố H, bà N đã giao cho V số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Võ Văn T (*Gồm bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất*).

Quá trình thỏa thuận, giao tiền giữa bà N và V đã ký kết **bản hợp đồng thỏa thuận về việc chi phí nhân làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất do V soạn sẵn với nội dung: “Lê Minh V nhận làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cây hàng năm sang đất ở cho ông Võ Văn T, thửa đất số: 543, diện tích: 157,1m<sup>2</sup>, địa chỉ: Tổ 04, thôn T, xã C, thành phố H**); sau khi Lê Minh V làm xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cây hàng năm sang đất ở cho ông Võ Văn T thì ông T trả cho V số tiền 400.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng thỏa thuận, ông T tạm ứng cho V 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), khi nào

nhận sổ đỏ ông T sẽ giao số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) còn lại cho V. Đến ngày 03/8/2020, V mặc dù không thực hiện các công việc như đã thỏa thuận nhưng đã yêu cầu bà N giao thêm số tiền 50.000.000 đ (*Năm mươi triệu đồng*) với lý do để thúc đẩy làm nhanh hồ sơ không gặp trở ngại. Ngày 04/8/2020, tại trước công Ủy ban nhân dân xã C, bà N đã giao thêm số tiền 50.000.000 đồng cho V theo yêu cầu. Đến ngày 08/8/2020, V tiếp tục yêu cầu bà N giao thêm số tiền 50.000.000 đồng cũng với lý do để thúc đẩy làm nhanh hồ sơ không gặp trở ngại. Ngày 09/8/2020, tại quán cà phê Nga Hoàng Thu, đường Hai Bà Trưng, thành phố H, bà N đã giao thêm số tiền 50.000.000 đồng cho V. Ngày 23/12/2020, V nói với bà N rằng hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất đang gặp trở ngại và yêu cầu bà N giao thêm số tiền 50.000.000 đồng để nhờ người chạy hồ sơ trong năm 2020 là có sổ đỏ. Sau đó bà N tiếp tục đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng cho V, V hứa hẹn với bà N là đến cuối năm 2020 (*âm lịch*) là sẽ có sổ đỏ cho bà N.

Sau khi đưa tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng cho V, bà N nhiều lần hỏi thúc V thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì V vẫn nói chưa có sổ đỏ và còn yêu cầu bà N đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng thì mới có sổ đỏ nhưng bà N không đồng ý. Ngày 11/4/2021, tại quán cà phê Nga Hoàng Thu, thành phố H, V vấp và nói bà N là đã có sổ đỏ nhưng do bà N chưa giao đủ số tiền 400.000.000 đồng nên người ta chưa giao sổ đỏ. Sau đó, em trai bà N là Võ Công Hậu (SN: 2001; Trú: Tổ 04, thôn T, xã C, thành phố H) mang tiền đến giao cho N rồi N giao số tiền 50.000.000 đồng này cho V. Sau khi nhận tiền, V viết giấy nhận tiền (***số tiền 400.000.000 đồng, Lê Minh V giúp về việc hồ sơ đất đai của ông Võ T, giấy nhận tiền đề ngày 09/4/2021***) và hứa với bà N chiều sẽ đi Tam Kỳ lấy sổ đỏ về cho bà N. Sau đó, V tiếp tục hứa hẹn với bà N là 45 ngày sau sẽ có người gửi giấy báo cho bà N đi nộp thuế và lấy sổ đỏ. Đến ngày hẹn vẫn không nhận được sổ đỏ nên bà N yêu cầu V hoàn trả số tiền 400.000.000 đồng đã nhận nhưng V không trả tiền theo yêu cầu nên bà N đã tố cáo vụ việc đến Công an thành phố H; sau đó được chuyển cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam giải quyết.

Với phương thức thỏa thuận nhận làm thủ tục đất đai tương tự như trên, trước đó, Lê Minh V đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H (SN: 1990; Trú: Tổ 02, thôn T, xã C, thành phố H) và ông Nguyễn Văn C (SN: 1966; Trú: thôn T, xã C, thành phố H) số tiền tổng cộng 250.000.000 đồng. Cụ thể:

- Tháng 3/2020, Lê Minh V đưa ra thông tin mình có khả năng thực hiện các thủ tục về đất đai để cho ông Nguyễn Văn H tin tưởng và thỏa thuận với V về việc làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đối với thửa đất số: 435, tờ bản đồ số 24, thuộc khối phố A, phường A, thành phố H, người sử dụng đất: Nguyễn C (bố vợ của H) trong thời hạn từ 03 đến 06 tháng với tiền công là 300.000.000 đồng, giao trước cho V số tiền

150.000.000 đồng. Sau đó, V không thực hiện các công việc như đã thoả thuận, chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của ông H

- Tháng 4/2020, Lê Minh V đưa ra thông tin mình có khả năng thực hiện các thủ tục về đất đai để cho ông Nguyễn Văn C tin tưởng. Sau đó, giữa ông C và V đã thoả thuận về việc V nhận làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 557m<sup>2</sup> tại tổ 1, thôn T, xã C, thành phố H do ông C khai hoang. V yêu cầu ông C giao trước tiền công 200.000.000 đồng nhưng ông C không đủ tiền nên chỉ giao cho V số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, V không thực hiện các công việc theo thoả thuận mà chiếm đoạt mà chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của ông C.

Toàn bộ số tiền 650.000.000 đồng chiếm đoạt được của bà Võ Thị Bích N, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn C, V đã sử dụng vào mục đích trả nợ nhưng không nhớ đã trả cho người nào, số tiền bao nhiêu và tiêu xài cá nhân hết.

**- Hành vi Tham ô tài sản:**

Theo Nghị quyết Đại hội Hội Chữ thập đỏ xã C, thành phố H nhiệm kỳ 2015 – 2020 và Biên bản họp Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ lần đầu tiên ngày 24/6/2015 đã bầu Lê Minh V là Phó Chủ tịch kiêm Thủ quỹ của Hội (*là người giữ tiền*), Chủ tịch Hội chữ thập đỏ - ông Trương Q (sinh năm 1963; trú tại: Thôn R, xã C) là người giữ sổ quỹ tiền mặt của Hội và ghi chép các khoản thu, chi, tồn. Vào tháng 02/2021, ông Trương Q đề nghị V chi tiền để chi cho hoạt động của Hội thì V nói V không còn tiền để chi vì đã tự ý sử dụng hết tiền quỹ do V quản lý vào việc cá nhân. Đến ngày 09/3/2021, ông Q làm việc với Lê Minh V xác nhận số tiền quỹ Hội tồn do V giữ là 23.300.000 đồng. Đây là toàn bộ số tiền quỹ còn tồn của Hội (**nguồn quỹ vận động của Hội do các cá nhân, tổ chức ủng hộ**) để cho các hoạt động của Hội nhưng V đã tự ý sử dụng hết số tiền 23.300.000 đồng để lo đám tang cho cha ruột và hứa sẽ trả vào cuối tháng 3 năm 2021; việc này được ông Q ghi nhận nội dung vào biên bản họp và ghi vào sổ quỹ tiền mặt của Hội (ghi nhận lý do V trình bày chứ không cho ý kiến sử dụng số tiền 23.300.000 đồng). Ngày 08/4/2021, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã C báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ xã C xác nhận Lê Minh V chưa hoàn trả số tiền quỹ Hội nêu trên. Đến ngày 07/6/2021, Lê Minh V hoàn trả số tiền 13.300.000 đồng; ngày 18/7/2021, Lê Minh V tiếp tục hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng cho quỹ Hội chữ thập đỏ xã C.

Nội dung vụ án được xác định như trên, **Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam Quyết định:**

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Minh V** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tham ô tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo **Lê Minh V 07 (Bảy)** năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt: Bị cáo **Lê Minh V 01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”;

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Minh V** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 (Tám)** năm **03 (Ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 01/11/2021).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về: Trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án.

**Sau khi xét xử sơ thẩm:** ngày 03/10/2022, bị cáo Lê Minh V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án 08 năm 03 tháng tù là quá nặng so với hành vi của bị cáo

**Tại phiên tòa:** bị cáo Lê Minh V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo Lê Minh V. Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Minh V đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

**Sau khi nghe:** bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Lê Minh V không có khả năng thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng vào năm 2020, bị cáo V đưa ra thông tin gian dối với bà Võ Thị Bích N, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn C là V có khả năng thực hiện được các thủ tục về đất đai theo yêu cầu của bà N, ông H, ông C nên những người này tin tưởng và ký hợp đồng rồi giao cho V số tiền tạm ứng tổng cộng 650.000.000 đồng, cụ thể: bà N giao 400.000.000 đồng, ông H giao 150.000.000 đồng và ông C giao 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng từ những người trên, V không thực hiện bất kỳ hoạt động nào

để thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất và các thủ tục về đất đai theo thoả thuận. Số tiền 650.000.000 đồng chiếm đoạt được từ các bị hại nêu trên, V đã sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, từ ngày 24/6/2015, bị cáo Lê Minh V giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ xã C, thành phố H, kiêm thủ quỹ quản lý nguồn quỹ hoạt động của Hội, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 23.300.000 đồng của Hội để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tuyên bố Tuyên bố bị cáo Lê Minh V phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại các điều 174, 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Minh V thì thấy: bị cáo Lê Minh V đã có hành vi chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng của những người bị hại nên bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hành vi chiếm đoạt 23.300.000 đồng của Hội chữ thập đỏ xã C, thành phố H, bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; sau khi phạm tội, bị cáo đã khai nhận đúng hành vi phạm tội, bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, hoàn cảnh khó khăn để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Minh V 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*” là mức hình phạt dưới khung của các tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử nên không nặng, đã tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự, Xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”); Điều 54 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Minh V 07 (Bảy)** năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, **01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo **Lê Minh V** phải chấp hành là **08 (Tám)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/11/2021.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lê Minh V** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm; quy định về thi hành án, chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2022/HS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- VKSND nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS – Ca. tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại giam công an tỉnh Quảng Nam (kèm theo 01 bản gửi cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến**